TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 19-9-2025
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Ngọc Tố Nương.

2. Ông Nguyễn Bá Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 682/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Số A Q, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1989; địa chỉ: D N, phường Q, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo uỷ quyền (Quyết định uỷ quyền liên quan đến hoạt động tố tụng và Thi hành án số 323/2023/QĐ-TGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B và Văn bản uỷ quyền số 08/2025/UQ-BAC A.BĐH ngày 04 tháng 4 năm 2025 của ông Lê Thanh P – Giám đốc Chi nhánh B2); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Thu L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; địa chỉ sau sáp nhập: Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần B chi nhánh B

có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 với bà Phạm Thị Thu L. Theo hợp đồng, bà L vay số tiền 480.000.000 đồng, phương thức vay: Chuyển khoản tiếp cho bên bán xe, mục đích để Mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng bán hàng số 1301/HĐMB-HBĐ24 ngày 17/01/2024 ký giữa Công ty Cổ phần Ô và bà Phạm Thị Thu L. Ngày 02/02/2024 giải ngân số tiền 480.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày 03/02/2024, ngày đến hạn gốc 02/02/2029; từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 60, mỗi kỳ trả 8.000.000 đồng. Trả gốc lãi vào ngày 25 hàng tháng; ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/02/2024. Lãi suất cho vay: Được cố định 9%/năm trong vòng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân; điều chỉnh lãi suất: Sau 12 tháng lãi suất sẽ theo lãi suất thả nổi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký. Để đảm bảo cho khoản vay thì 02 bên đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 18/2024/HĐTC-BacABank.770 ngày 02/02/2024.

Đến nay, bà L không trả nợ theo thỏa thuận nên toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn do quá hạn gốc và lãi.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu bà Phạm Thị Thu L hoàn trả số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử là 457.918.649 đồng trong đó gồm 404.000.000 đồng nợ gốc, 2.898.082 đồng nợ lãi trong hạn, 41.864.563 đồng nợ lãi quá hạn, 9.156.004 đồng lãi phạt.

Trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên thì yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước (sau sáp nhập là Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai) xử lý tài sản thế chấp theo quy định để thu hồi nợ vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn bà Phạm Thị Thu L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Không đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều 203 BLTTDS. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Thu L trả toàn bộ số nợ vay và tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tạm tính đến ngày xét xử 19/9/2025, tổng dư nợ tạm tính của khoản vay nêu trên là 457.918.649 đồng trong đó nợ gốc 404.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.898.082 đồng, nợ lãi

quá hạn: 41.864.563 đồng, lãi chậm trả 9.156.004 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 ngày 02/02/2024 đã ký kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Tài sản đảm bảo thực hiện thi hành án là: Xe ô tô mang biển kiểm soát 77A-302.32, nhãn hiệu: HYUNDAI, số khung: RLUPA812EPT003244, số máy: G4FLPQ233943, sản xuất năm 2023, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 7700371 do Công an huyện T cấp ngày 01/02/2024 cho bà Phạm Thị Thu L. Theo Hợp đồng thế chấp số 18/2024/HĐTC-BacABank.770 ngày 02/02/2024 được công chứng tại Văn phòng C. Nếu bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần B cho bà Phạm Thị Thu L vay với mục đích mua xe ô tô phục vụ đi lại không phải tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại vì mục đích lợi nhuận. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Thu L cư trú tại thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Thu L vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà Phạm Thị Thu L cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên bà Phạm Thị Thu L không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng Thương mại cổ phần B cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Mặc dù không có sự thừa nhận của bà Phạm Thị Thu L nhưng thông qua hợp đồng tín dụng; Các giấy tờ tuỳ thân bà L nộp cho Ngân hàng như Căn cước

công dân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự; Khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án vay vốn và kế hoạch trả nợ, Giấy đề nghị giải ngân; Hợp đồng thế chấp xe ô tô được công chứng ngày 02/02/2024 tại Văn phòng C; Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đều có chữ ký của bà L và việc bà L đã trả gốc, lãi đến ngày 24 tháng 3 năm 2025 chứng tỏ bà L có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 ngày 02/02/2024 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bà Phạm Thị Thu L thấy rằng: Theo hợp đồng, bà L vay số tiền 480.000.000 đồng. Ngày 02/02/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần B giải ngân cho bà L số tiền 480.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 02/02/2024, phương thức giải ngân: Chuyển khoảntiếp cho bên bán xe, mục đích để mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại. Thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày 03/02/2024, ngày đến hạn gốc 02/02/2029; kỳ hạn trả gốc, lãi vào ngày 25 hàng tháng; lãi suất cho vay: Được cố định 9%/năm trong vòng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân; Điều chỉnh lãi suất: Sau 12 tháng lãi suất sẽ theo lãi suất thả nổi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký. Lịch trả nợ: Trả gốc lãi vào ngày 25 hàng tháng; Phương thức trả: Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế, trả gốc: Trả thành 60 kỳ, 01 tháng/kỳ vào ngày 25 hàng tháng, từ kỳ thứ 01 đến kỳ thứ 60, mỗi kỳ trả 8.000.000 đồng. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/02/2024.

Đến kỳ thanh toán, cụ thể từ ngày 02/02/2025 đến ngày 04/4/2025, theo quy định tại hợp đồng bà L phải trả tổng số tiền gốc 112.000.000 đồng tuy nhiên bà L chỉ trả số tiền 76.000.000 đồng còn nợ quá hạn số tiền gốc 36.000.000 đồng. Tính đến ngày 19 tháng 9 năm 2025 bà L còn nợ 457.918.649 đồng, trong đó 404.000.000 đồng nợ gốc, 2.898.082 đồng nợ lãi trong hạn, 41.864.563 đồng nợ lãi quá hạn, 9.156.004 đồng lãi phạt.

Bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Thu L phải trả cho nguyên đơn số tiền 457.918.649 đồng trong đó 404.000.000 đồng nợ gốc, 2.898.082 đồng nợ lãi trong hạn, 41.864.563 đồng nợ lãi quá hạn, 9.156.004 đồng lãi phạt.

[5] Tài sản bảo đảm: Tài sản thế chấp là một chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 77A-302.32, nhãn hiệu: HYUNDAI, số khung: RLUPA812EPT003244, số máy: G4FLPQ233943, sản xuất năm 2023, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 77000371 do Công an huyện T cấp ngày 01/02/2024 cho bà Phạm Thị Thu L; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 18/2024/HĐTC-BacABank.770 ngày 02/02/2024 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh B2 với bà Phạm Thị Thu L được công chứng tại Văn phòng C ngày 02/02/2024 và được đăng ký thế chấp ngày 02/02/2024 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình

thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật, được công chứng hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Tài sản bảo đảm đã được công nhận quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên việc thế chấp là hoàn toàn hợp pháp.

[6] Toà án đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 77A-302.32 nhưng không biết xe ô tô đang ở đâu và do ai quản lý nên không thể tiến hành thẩm định tài sản thế chấp. Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bà L để thu hồi toàn bộ số nợ nếu bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B là phù hợp với quy định tại Điều 298, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 323 Bộ luật Dân sự; Mục 11 phần III Giải đáp 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Toà án nhân dân tối cao và tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp tài sản nên được chấp nhận. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vì yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Phạm Thị Thu L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 2.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Thu L phải chịu 20.000.000 đồng + (4% x 57.918.649 đồng) = 22.316.745 đồng án phí dân sự sơ thẩm, làm tròn thành 22.317.000 đồng. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 295, 298, 299, 303, 304, 306, 307, 317, 318, 319, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91

của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc bà Phạm Thị Thu L trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 457.918.649 đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng) trong đó gồm 404.000.000 đồng nợ gốc, 2.898.082 đồng nợ lãi trong hạn, 41.864.563 đồng nợ lãi quá hạn, 9.156.004 đồng lãi phạt.

Kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 ngày 02 tháng 02 năm 2024 trên số nợ gốc tương ứng cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp bà Phạm Thị Thu L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 ngày 02 tháng 02 năm 2024 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 77A-302.32, nhãn hiệu: HYUNDAI, số khung: RLUPA812EPT003244, số máy: G4FLPQ233943, sản xuất năm 2023 thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Thu L theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 18/2024/HĐTC-BacABank.770 ngày 02/02/2024 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh B2 với bà Phạm Thị Thu L, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/02/2024 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, nếu không đủ để trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 ngày 02 tháng 02 năm 2024 thì bà Phạm Thị Thu L còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B bằng các tài sản khác thuộc sở hữu của bà L cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0000428094/2024/HĐTD-BacABank.770 ngày 02 tháng 02 năm 2024. Trường hợp bà Phạm Thị Thu L thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe số 77000371 do Công an huyện T cấp ngày 01 tháng 02 năm 2024 cho bà Phạm Thị Thu L.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị Thu L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 22.317.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng).

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 10.588.000 đồng (mười triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003155 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu